

Bản án số: 40/2023/HS-ST

Ngày: 24 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- TH1nh phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Sỹ Thắng

Bà Lê Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2023/HSST ngày 13/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST - HS ngày 10/7/2023 đối với bị cáo:

Hoàng Thị H - sinh ngày 16/3/1993;

Nơi ĐKKHKT: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Bùi S và bà Bùi Thị X; có chồng là Bùi Sỹ T (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng Biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Trần Thị H1 - sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị H2 - sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định, bản thân có sẵn nguồn vốn tích góp từ trước nên từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 10/2022; Hoàng Thị H ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã sử dụng tiền cho một số người dân vay tiền với lãi suất gấp hơn 05 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Mỗi khi có khách vay tiền, tùy vào mối quan hệ giữa H và khách vay để đưa ra hình thức vay và mức lãi suất; nếu khách vay đồng ý, H sẽ đưa tiền cho khách vay và thu lãi. Cụ thể từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2022, Hoàng Thị H đã cho 02 khách vay tiền cụ thể như sau:

- Ngày 20/6/2022 Hoàng Thị H cho chị Trần Thị H1 ở thị trấn P, huyện Quảng Xương vay số tiền 50.000.000đ, không xác định thời hạn trả, với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 365%/1 năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS); hàng tháng chị H1 phải trả lãi số tiền là 15.000.000đ. Khi vay, H thu trước 15.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên. Đến tháng 9/2022, chị H1 bị ốm nặng nên Hoàng Thị H không yêu cầu chị H1 đóng tiền lãi nữa mà chỉ thanh toán tiền gốc cho H số tiền 50.000.000đ. Chị H1 đã trả được cho H 03 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 45.000.000đ, trong đó số tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định là 2.465.753đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định là 42.534.247đ. Đến nay, chị H1 chưa thanh toán được tiền gốc cho H. Số tiền thu lời bất chính là 42.534.247đ.

- Hoàng Thị H cho chị Lê Thị H2 ở xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vay 03 lần, cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Ngày 21/8/2022 H cho chị Lê Thị H2 vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 33 ngày, với lãi suất 2.000.000 đồng/33 ngày (6.061 đồng/1 triệu/1 ngày), tương đương 221,2%/1 năm, gấp 11,06 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS. Khi vay, H thu trước 2.000.000đ tiền lãi và 100.000đ tiền phí làm hồ sơ và đưa cho chị H2 là 7.900.000đ, sau đó chị H2 trả tiền gốc cho H mỗi ngày 300.000đ, riêng ngày cuối cùng của hạn vay, chị H2 trả 400.000đ. Đến hạn, chị H2 đã thanh toán cho H toàn bộ 10.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi theo thỏa thuận, trong đó tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định của Bộ luật Dân sự là 108.822đ, số tiền lãi vượt quá mức quy định là 1.819.178đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 1.919.178đ (trong đó gồm tiền lãi vượt quá quy định và 100.000đ tiền phí làm hồ sơ).

+ Lần thứ hai: Ngày 05/9/2022 H cho chị Lê Thị H2 vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 33 ngày, với lãi suất 2.000.000 đồng/33 ngày (6.061 đồng/1 triệu/1 ngày), tương đương 221,2%/1 năm, gấp 11,06 lần lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định. Khi vay, H thu trước 2.000.000đ tiền lãi và đưa cho

chị H2 8.000.000đ, sau đó chị H2 trả tiền gốc cho H mỗi ngày 300.000đ, riêng ngày cuối cùng của hạn vay, chị H2 trả 400.000đ. Đến hạn, chị H2 đã thanh toán cho H toàn bộ 10.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi theo thỏa thuận, trong đó tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định của Bộ luật Dân sự là 108.822đ, số tiền lãi vượt quá mức quy định là 1.819.178đ. Số tiền thu lời bất chính là 1.819.178đ.

+ Lần thứ ba: Ngày 22/8/2022 H cho chị Lê Thị H2 vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 02 ngày với lãi suất 2.000.000 đồng/02 ngày (50.000 đồng/1 triệu/1 ngày), tương đương 1.825%/1 năm, gấp 91,25 lần lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định. Khi vay, H thu trước 2.000.000đ tiền lãi và đưa cho chị H2 18.000.000đ. Đến ngày 23/8/2022, chị H2 không thanh toán được tiền gốc như thỏa thuận, H không thu lãi các ngày tiếp theo, đến ngày 08/10/2022, chị H2 đã thanh toán cho H toàn bộ 20.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định của Bộ luật Dân sự là 21.918đ, số tiền lãi vượt quá mức quy định là 1.978.082đ. Số tiền thu lời bất chính là 1.978.082đ.

Như vậy trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 10/2022, Hoàng Thị H đã sử dụng số tiền 90.000.000đ cho chị Trần Thị H1 và chị Lê Thị H2 vay với lãi suất từ 221,2%/1 năm đến 1825%/1 năm, gấp từ 11.06 lần đến 91,25 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, thu tổng số lãi là 51.000.000đ, (trong đó số tiền lãi hợp pháp của các khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.849.315đ, số tiền lãi H thu vượt quá mức quy định là 48.150.685đ). Ngoài ra, khi cho chị H2 vay tiền, H còn thu thêm số tiền 100.000đ phí làm hồ sơ, nhưng thực tế không làm hồ sơ mà mục đích hưởng lợi cá nhân, thu trái pháp luật. Tổng số tiền Hoàng Thị H thu lời bất chính là 48.250.685đ.

**Về các biện pháp tư pháp:*

- *Đối với các khoản nợ gốc:* Tổng số tiền 90.000.000đ là tiền Hoàng Thị H sử dụng cho chị Trần Thị H1 và chị Lê Thị H2 vay là tiền sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước. Trong đó tịch thu của Hoàng Thị H 40.000.000đ là tiền người vay đã trả cho H, tịch thu của chị Trần Thị H1 số tiền 50.000.000đ chị H1 còn nợ H để sung vào Ngân sách nhà nước.

- *Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất BLDS quy định:* Tổng số tiền 2.849.315đ là tiền lãi H thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của Hoàng Thị H để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính mà Hoàng Thị H đã thu của người vay là 48.250.685đ, gồm: Chị Trần Thị H1 số tiền 42.534.247đ; chị Lê Thị H2 số tiền 5.716.438đ. Quá trình điều tra xác định chị H1 vay tiền sử dụng vào mục đích hợp pháp, do vậy cần buộc Hoàng Thị H phải trả lại số tiền 42.534.247đ cho chị Trần Thị H1. Đối với số tiền 5.716.438đ của chị H2. Quá trình điều tra, chị H2 vắng mặt tại địa phương do vậy CQĐT chưa lấy được lời khai của chị H2 tuy nhiên đây là số tiền thu lời bất chính mà H thực tế đã thu của chị H2 do vậy buộc bị cáo phải trả lại số tiền này cho chị H2 theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 41/Ctr-VKSQX ngày 09/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Hoàng Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36 của BLHS. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H từ 10 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ và miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS.

Phạt bị cáo Hoàng Thị H từ 35.000.000đ đến 40.000.000đ.

* Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Đối với các khoản nợ gốc: Tổng số tiền 90.000.000đ là tiền Hoàng Thị H sử dụng cho chị Trần Thị H1 và chị Lê Thị H2 vay là tiền sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Tịch thu của Hoàng Thị H 40.000.000đ là tiền người vay đã trả cho H; Tịch thu của chị Trần Thị H1 số tiền 50.000.000đ chị H1 còn nợ H.

- Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất BLDS quy định: Tổng số tiền 2.849.315đ là tiền lãi H thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của Hoàng Thị H để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính mà Hoàng Thị H đã thu của người vay là 48.250.685đ, gồm: Chị Trần Thị H1 số tiền 42.534.247đ; chị Lê Thị H2 số tiền 5.716.438đ. Quá trình điều tra xác định chị H1 vay tiền sử dụng vào mục đích hợp pháp, do vậy cần buộc Hoàng Thị H phải trả lại số tiền 42.534.247đ cho chị Trần Thị H1. Đối với số tiền 5.716.438đ của chị Lê Thị H2; quá trình điều tra, chị H2 vắng mặt tại địa phương do vậy CQĐT chưa lấy được lời khai của chị H2 tuy nhiên đây là số tiền thu lời bất chính mà H thực tế đã thu của chị H2 do vậy buộc bị cáo phải trả lại số tiền này cho chị H2 theo quy định của pháp luật.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Xuất phát từ động cơ tư lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 10 năm 2022, Hoàng Thị H đã sử dụng số tiền 90.000.000đ cho chị Trần Thị H1 và chị Lê Thị H2 vay với lãi suất từ 221,2%/1 năm đến 1825%/1 năm, gấp từ 11,06 lần đến 91,25 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Ngoài ra, khi cho chị H2 vay tiền, H còn thu thêm số tiền 100.000đ phí làm hồ sơ, nhưng thực tế không làm hồ sơ mà mục đích hưởng lợi cá nhân, thu trái pháp luật. Tổng số tiền Hoàng Thị H thu lời bất chính là 48.250.685đ (*Bốn mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng*).

HĐXX đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo:

- Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi

của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ngoài ra còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bản thân bị cáo cũng là mẹ đơn thân đang nuôi con nhỏ.

Xét tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo HĐXX xét thấy; cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo thuộc diện lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên HĐXX miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 của BLHS.

Phạt bị cáo Hoàng Thị H 35.000.000đ.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với các khoản nợ gốc: Tổng số tiền 90.000.000đ là tiền Hoàng Thị H sử dụng cho chị Trần Thị H1 và chị Lê Thị H2 vay là tiền sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Tịch thu của Hoàng Thị H 40.000.000đ là tiền người vay đã trả cho H; Tịch thu của chị Trần Thị H1 số tiền 50.000.000đ chị H1 còn nợ H.

- Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất BLDS quy định: Tổng số tiền 2.849.315đ là tiền lãi H thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của Hoàng Thị H để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính mà Hoàng Thị H đã thu của người vay là 48.250.685đ, gồm: Chị Trần Thị H1 số tiền 42.534.247đ; chị Lê Thị H2 số tiền 5.716.438đ. Quá trình điều tra xác định chị H1 vay tiền sử dụng vào mục đích hợp pháp, do vậy cần buộc Hoàng Thị H phải trả lại số tiền 42.534.247đ cho chị Trần Thị H1. Đối với số tiền 5.716.438đ của chị Lê Thị H2; quá trình điều tra, chị H2 vắng mặt tại địa phương do vậy CQĐT chưa lấy được lời khai của chị H2

tuy nhiên đây là số tiền thu lời bất chính mà H thực tế đã thu của chị H2 do vậy buộc bị cáo phải trả lại số tiền này cho chị H2 theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36 của BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 10 (Mười) tháng Cải tạo không giam giữ.

Thời điểm tính chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quảng Xương nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Hoàng Thị H cho UBND thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Hoàng Thị H.

- **Về hình phạt bổ sung:** Căn cứ khoản 3 Điều 201 của BLHS.

Phạt bị cáo Hoàng Thị H 35.000.000đ.

- **Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Đối với các khoản nợ gốc: Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 90.000.000đ là tiền Hoàng Thị H sử dụng cho chị Trần Thị H1 và chị Lê Thị H2 vay. Cụ thể: Tịch thu của Hoàng Thị H 40.000.000đ là tiền chị Lê Thị H2 vay đã trả cho H; Tịch thu của chị Trần Thị H1 số tiền 50.000.000đ chị H1 còn nợ Hoàng Thị H.

- Tịch thu của Hoàng Thị H số tiền 2.849.315đ để sung vào ngân sách Nhà nước (là tiền lãi H thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự).

- Buộc bị cáo Hoàng Thị H trả lại số tiền 48.250.685đ thu lời bất chính của người vay, gồm: Trả cho chị Trần Thị H1 số tiền 42.534.247đ; trả cho chị Lê Thị H2 số tiền 5.716.438đ.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Buộc bị cáo Hoàng Thị H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy